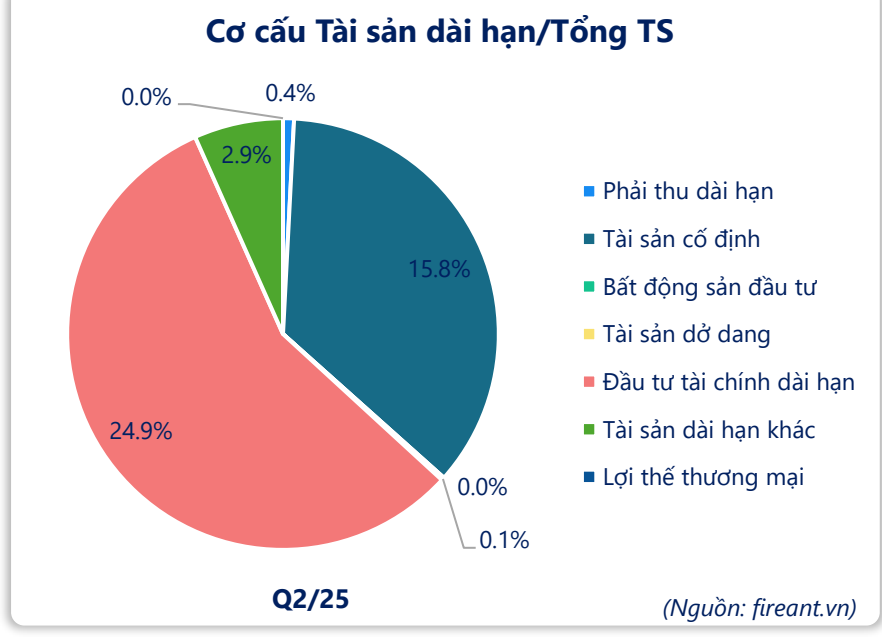
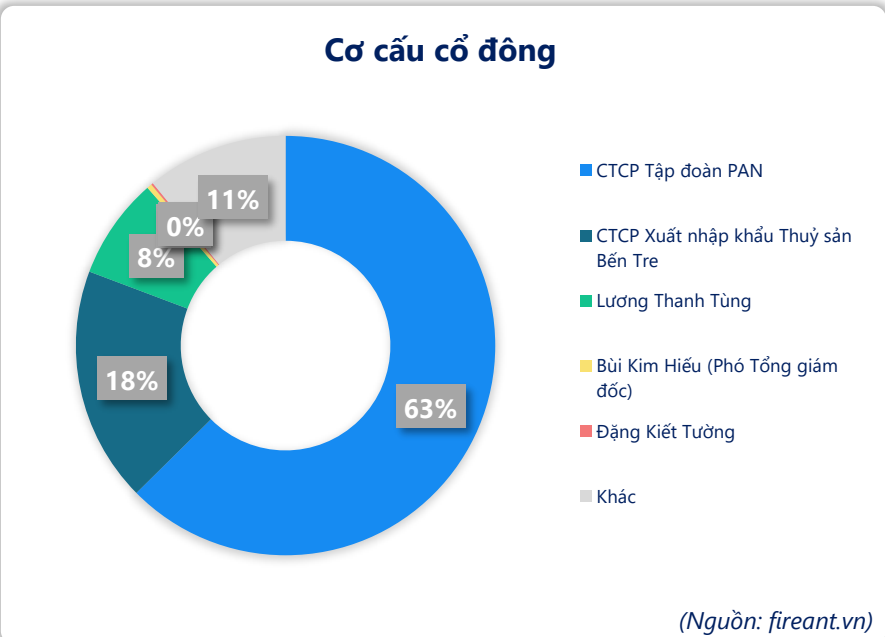
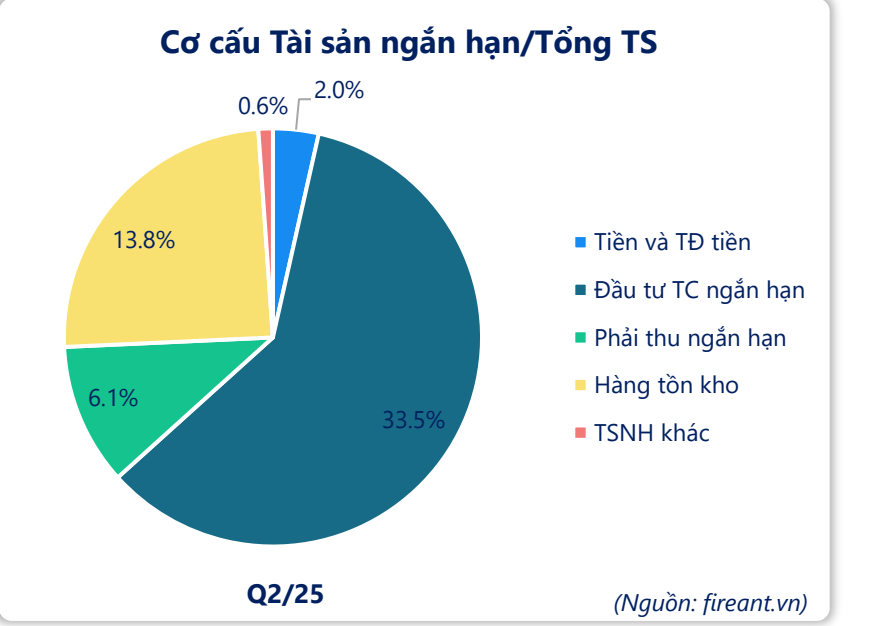
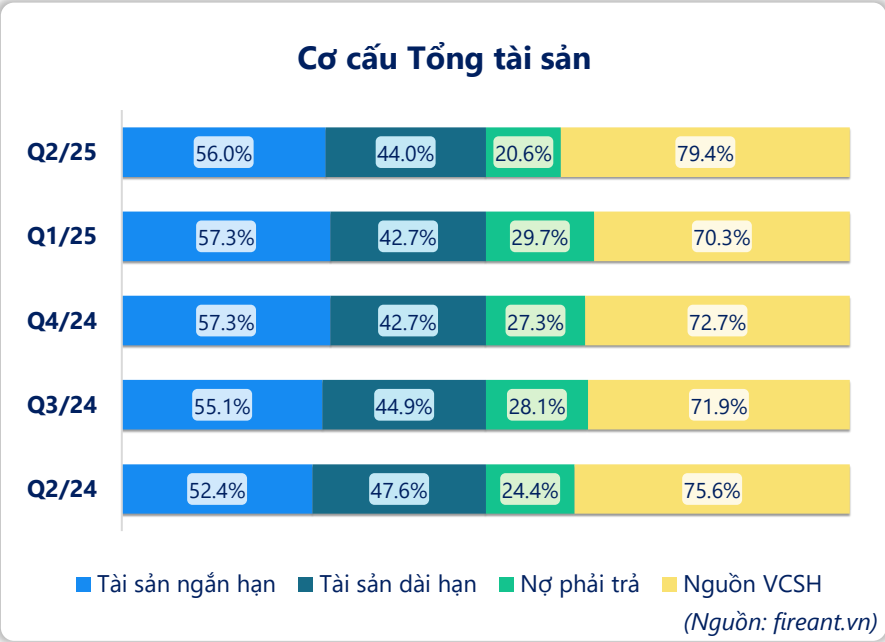
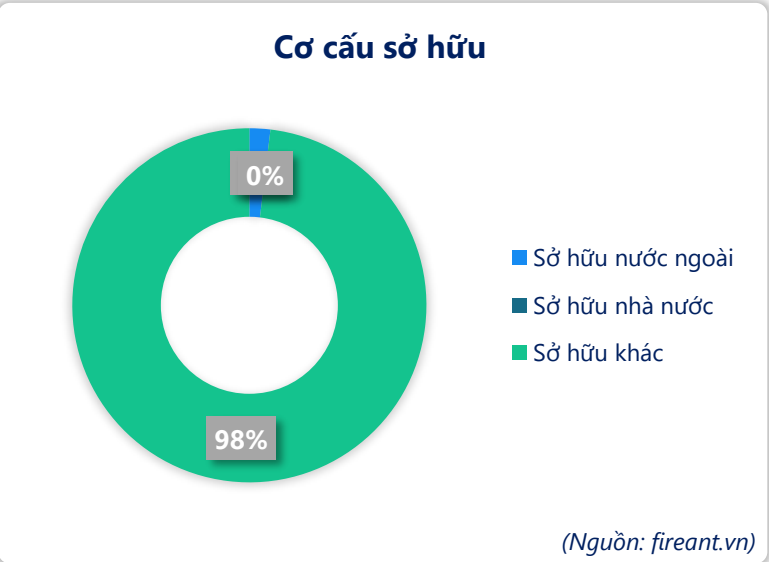
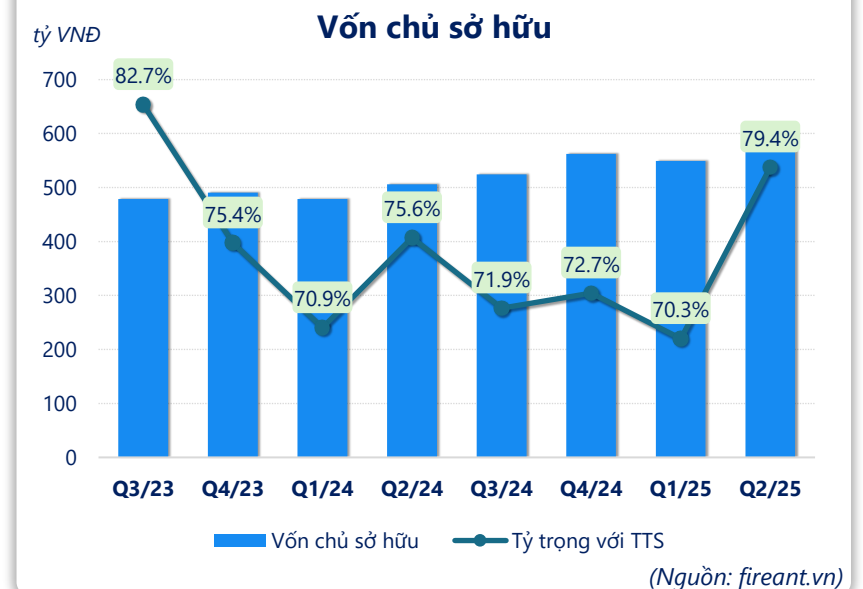
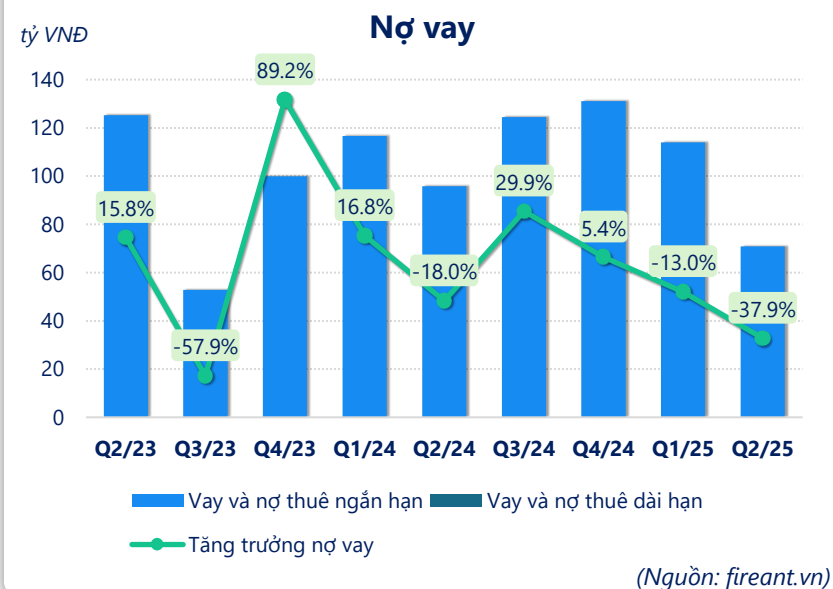
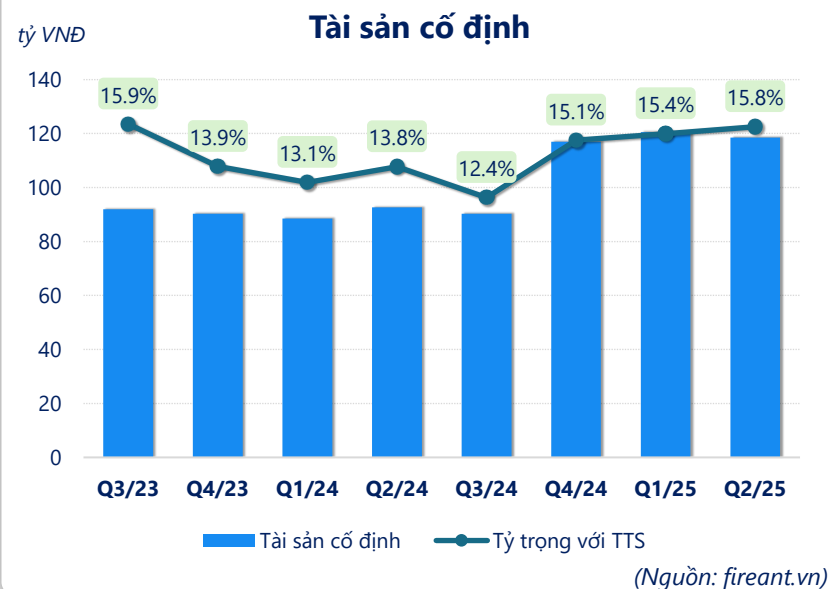
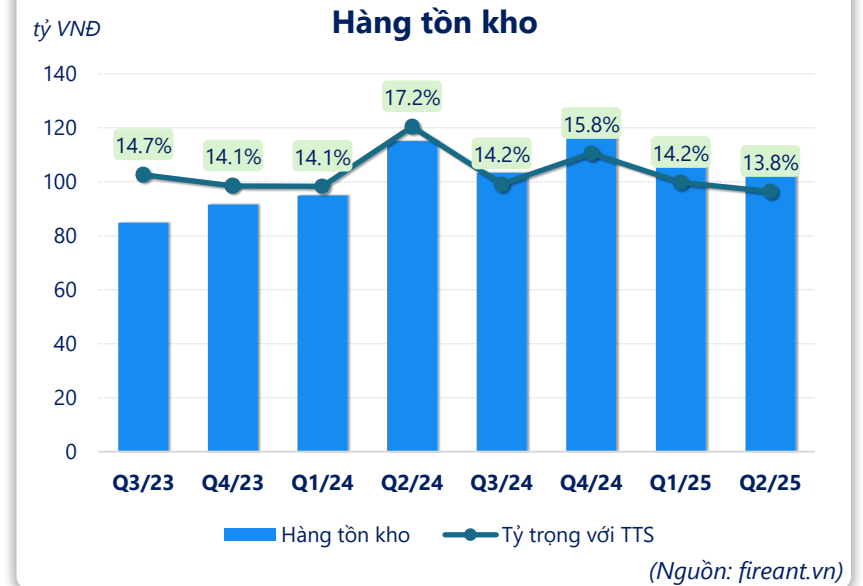
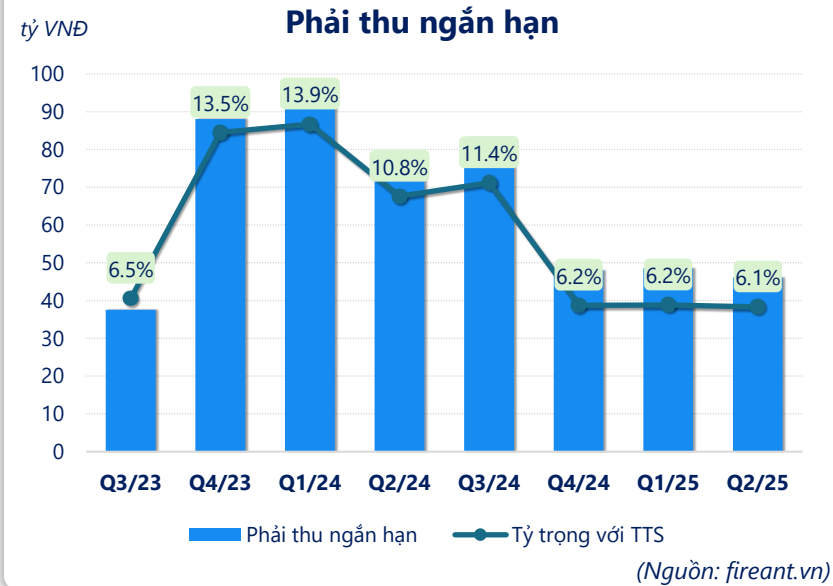
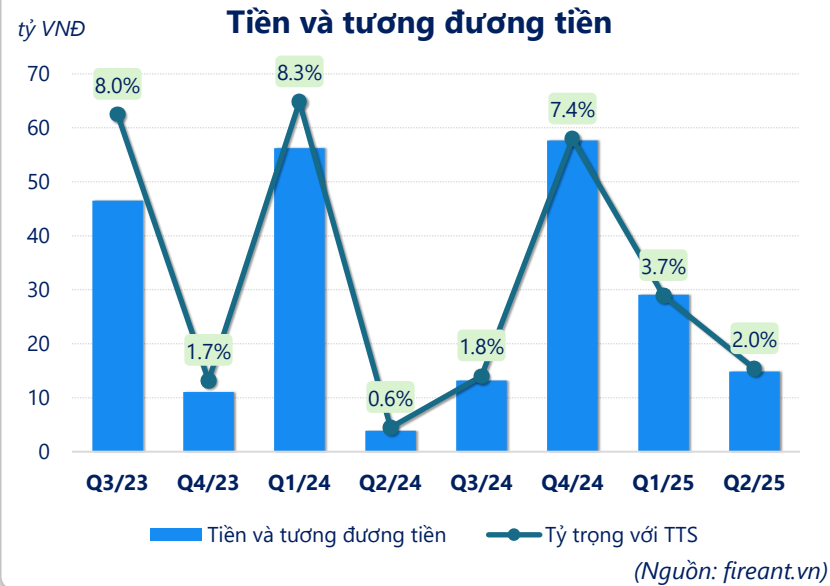
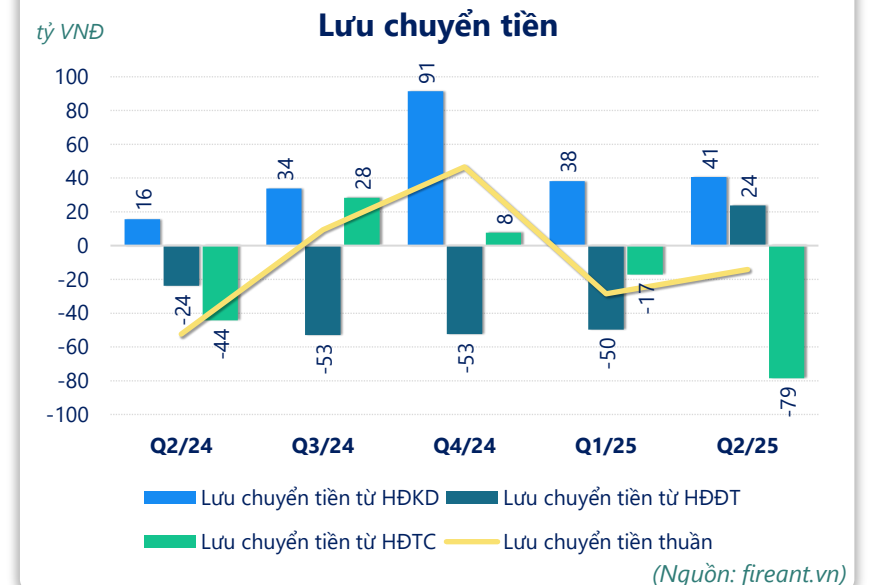
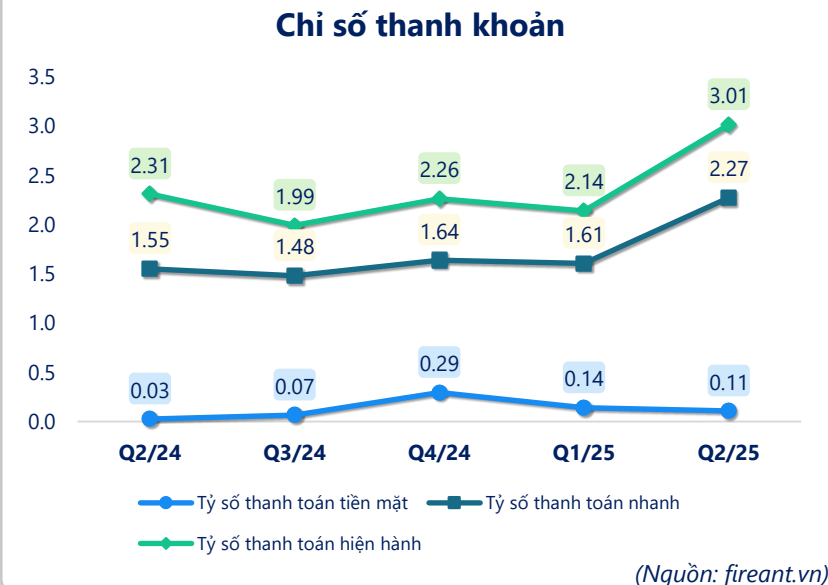
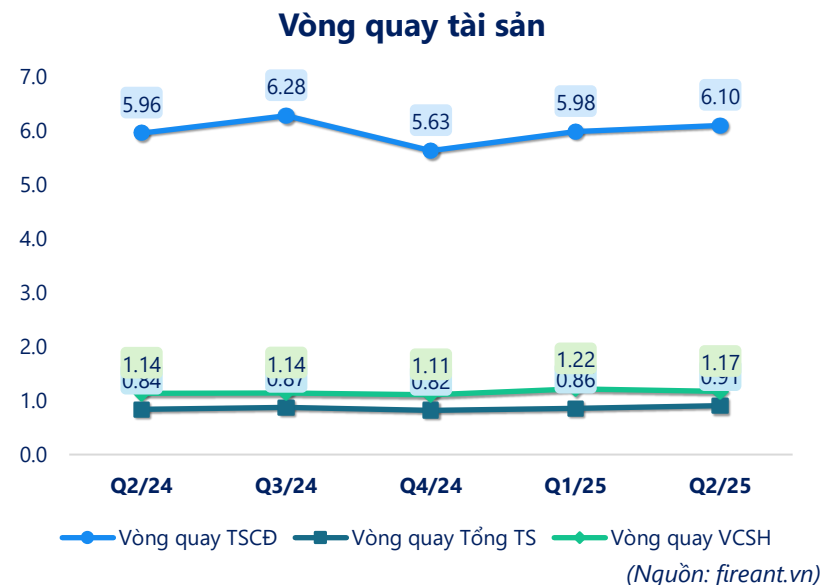
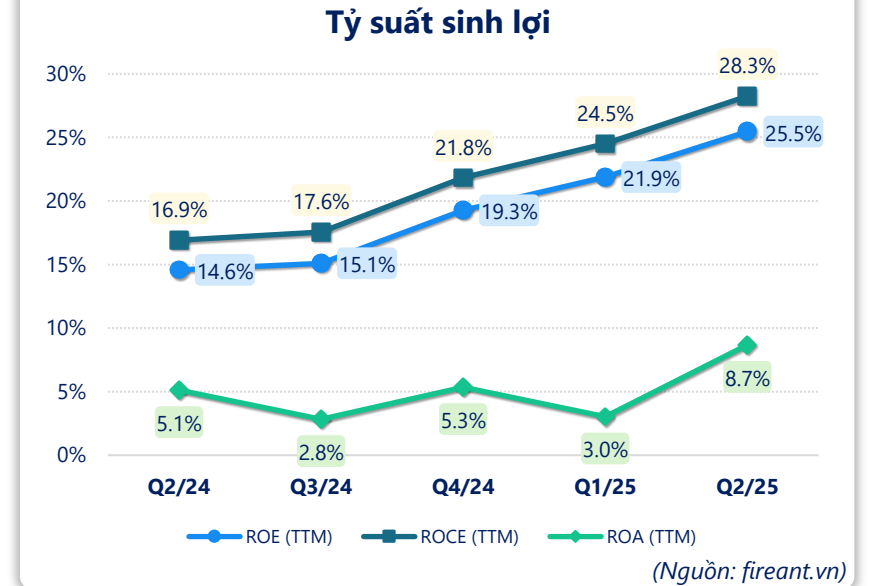
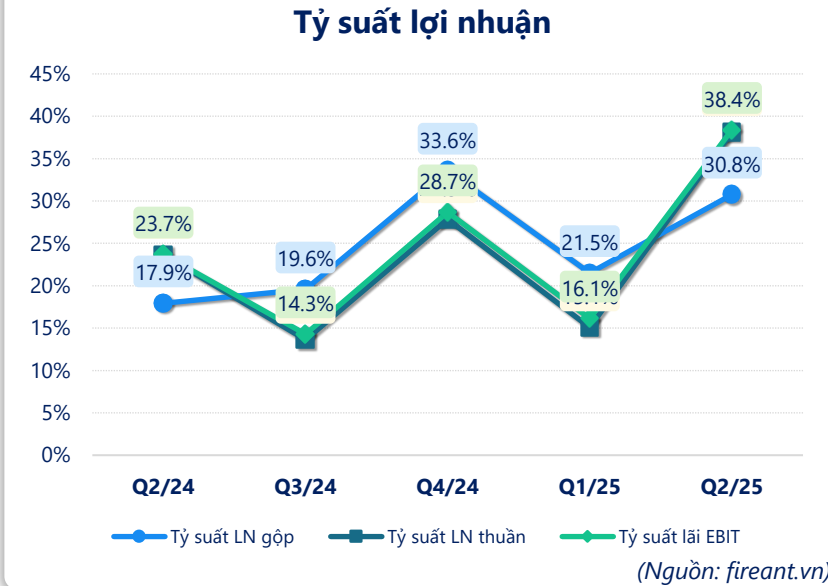
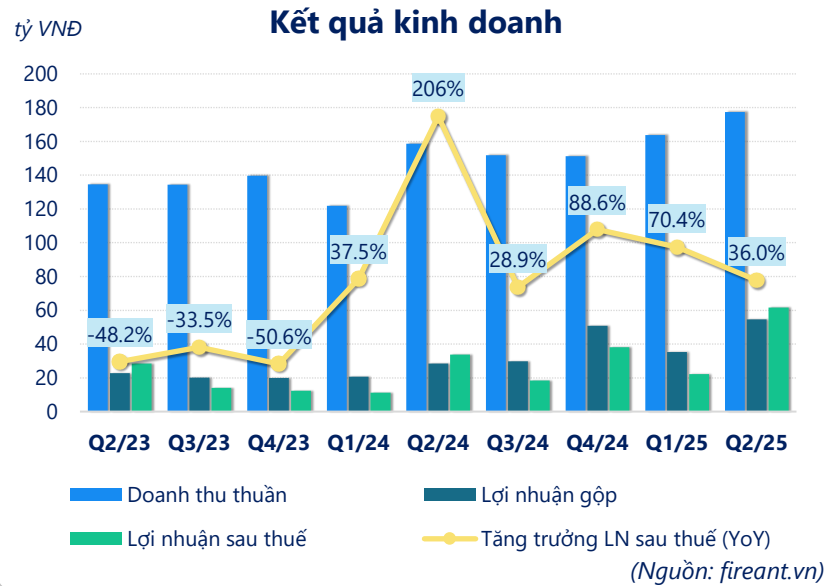


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,197
SL cổ phiếu LH		11,777,257
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,855
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		589
P/E		4.2
EPS		11,924

	YTD	1T	3T	6T
ABT	35.7%	4.1%	10.4%	35.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	752	774	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	421	443	-5.0%
Tiền và tương đương tiền	14.9	57.6	-74.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	252	214	17.9%
Phải thu ngắn hạn	46.1	48.0	-3.9%
Hàng tồn kho	104	122	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.70	1.85	155%
Tài sản dài hạn	331	331	0.2%
Phải thu dài hạn	2.72	2.68	1.7%
Tài sản cố định	119	117	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.73	0.14	419%
Đầu tư tài chính dài hạn	187	187	0.0%
Tài sản dài hạn khác	22.1	23.6	-6.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	155	211	-26.5%
Nợ ngắn hạn	140	196	-28.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.8	131	-46.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	13.1	10.6%
Nợ dài hạn	15.5	15.3	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	597	563	6.2%
Vốn chủ sở hữu	597	563	6.2%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	159	152	151	164	177
Giá vốn hàng bán	130	122	100	129	123
Lợi nhuận gộp	28.4	29.7	50.8	35.2	54.6
Doanh thu HĐTC	20.1	3.07	5.04	5.47	23.1
Chi phí TC	0.21	1.76	1.87	2.70	0.76
Chi phí lãi vay	0.02	0.89	1.20	1.70	0.47
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.49	6.12	6.24	7.87	4.26
Chi phí QLDN	5.36	4.22	5.58	5.40	5.04
LN thuần từ HĐKD	37.5	20.7	42.1	24.7	67.7
Lợi nhuận khác	0.08	0.10	0.03	0.01	0.02
LN trước thuế	37.6	20.8	42.2	24.7	67.7
Lợi nhuận sau thuế	33.7	18.5	38.1	22.1	61.7
LNST của CĐ cty mẹ	33.7	18.5	38.1	22.1	61.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.7	33.9	91.4	38.2	40.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.8	-53.0	-52.5	-49.7	23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.2	28.4	7.70	-17.1	-78.5
Tiền đầu kỳ	56.3	3.85	11.1	57.6	29.1
Lưu chuyển tiền thuần	-52.4	9.31	46.6	-28.6	-14.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	-0.02	0.02	-0.10
Tiền cuối kỳ	3.85	13.2	57.6	29.1	14.9

(Nguồn: fireant.vn)